TCVN TIÊU CHUẨN QUỐC GIA* NATIONAL STANDARD

TCVN 9040-1:2011
ISO 5138-1:1978

Xuất bản lần 1
First Edition

MÁY VĂN PHÒNG - TỪ VỰNG
PHẦN 1: THIẾT BỊ GHI ÂM
OFFICE MACHINES – VOCABULARY
PART 1: DICTATION EQUIPMENT

HÀ NỘI – 2011

Mục lục **Trang**

Lời nói đầu 5

Mục 1 Khái quát 7

1 Phạm vi áp dụng 7

2 Nguyên lý và quy tắc 7

Mục 2: Thuật ngữ và định nghĩa 11

01 Thiết bị ghi âm 11

01.01 Định nghĩa 11

01.02 Phân loại 11

01.03 Thuật ngữ chung 14

01.04 Chức năng và quá trình hoạt động 14

01.05 Cấu kiện kỹ thuật cơ bản 16

01.06 Cấu kiện kỹ thật bổ sung và phụ kiện 18

01.07 Thiết bị điều khiển và kiểm tra 19

01.08 Bộ cấp 23

Mục lục tra cứu 25

Content **Page**

Foreword 6

Section 1 General 7

1 Scope and field of application 7

2 Principles and rules followed 7

Section 2: Terms and definitions 11

01 Dictation Equipment 11

01.01 Definition 11

01.02 Classification 11

01.03 General terms 14

01.04 Functions and operating processes 14

01.05 Basic technical parts 16

01.06 Additional technical parts and accessories 18

01.07 Controls and checking devices 19

01.08 Suppliers 23

English alphabetical index 27

Lời nói đầu

TCVN 9040-1:2011 do Ban Kỹ thuật Tiêu chuẩn quốc gia TCVN/JTC1 "*Công nghệ thông tin*" biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

TCVN 9040-1:2011 hoàn toàn tương đương với ISO 5138-1:1978.

Foreword

Nation Standard **TCVN 9040-1:2011** was prepared by National Technical Committee TCVN/JTC 1, *Information Technology*, approved by Directorate for Standards, Metrology and Quality, and published by Ministry of Science and Technology.

Nation Standard **TCVN 9040-1:2011** is identical to International Standard ISO 5138-1:1978.

Máy văn phòng – Từ vựng –
Phần 1: Thiết bị ghi âm
Office machines – Vocabulary –
Part 1: Dictation equipment

Mục 1 Khái quát

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này nhằm tạo thuận lợi cho việc trao đổi quốc tế trong lĩnh vực máy văn phòng. Tiêu chuẩn này trình bày các thuật ngữ và định nghĩa về những khái niệm được lựa chọn liên quan đến lĩnh vực này bằng hai ngôn ngữ Việt-Anh và xác định những quan hệ giữa các điều.

Phần nội dung tiêu chuẩn này đề cập đến thiết bị ghi âm. Tiêu chuẩn này nêu các quy trình hoạt động chính và các loại máy được sử dụng, các chức năng và chi tiết kỹ thuật của chúng.

2 Nguyên lý và quy tắc

2.1 Định nghĩa điều

Mục hai bao gồm một số điều. Mỗi điều gồm có tập hợp các thành phần cần thiết bao gồm số mục tra cứu, một hoặc một vài thuật ngữ đồng nghĩa, và mệnh đề định nghĩa một khái niệm. Thêm vào đó, mỗi điều có thể có các ví dụ, chú thích hoặc minh họa để dễ dàng hiểu khái niệm hơn.

Các thuật ngữ khác như **từ vựng**, **khái niệm**, **thuật ngữ**, và **định nghĩa** được sử dụng trong bộ tiêu chuẩn này theo tiêu chuẩn ISO 1087-1:2000, *Thuật ngữ làm việc – Từ vựng – Phần 1: Lý thuyết và ứng dụng.*

Section 1 General

1 Scope and field of application

This standard is intended to facilitate international exchanges in the field of office machines. It presents, in two languages, terms and definitions of selected concepts relevant to this field and identifies relationships between the entries.

This section of this standard deals with dictation equipment. It concerns the main operating processes and types of machines used, their functions and technical parts.

2 Principles and rules followed

2.1 Definition of an entry

Section two comprises a number of entries. Each entry consists of a set of essential elements that includes an index number, one term or several synonymous terms, and a phrase defining one concept. In addition, an entry may include examples, notes, or illustrations to facilitate the understanding of the concept.

Orther terms such as **vocabulary, concept, term,** and **definition** are used in this International Standard with the meanings given in ISO 1087-1:2000, *Terminology work – Vocabulary – Part 1: Theory and application.*